

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28/02/2024

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tính.

Hội Thẩm nhân dân: Ông Trần Minh Phương.

Ông Nguyễn Văn Kỹ.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2023/TLST-HNGĐ ngày 14/12/2023 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/01/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1995; HKTT: Khu 6, phường ĐP, thành phố BN, tỉnh Bắc Ninh; hiện trú tại: Đài Loan; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị L: chị Dương Thị H, sinh năm 1992; HKTT: Xã VT, huyện VY, tỉnh Bắc Giang (theo giấy ủy quyền ngày 22/11/2023); có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1989; HKTT: Khu 6, phường ĐP, thành phố BN, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày: Chị và anh Bùi Văn Tính kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND Phường ĐP,

thành phố BN, tỉnh Bắc Ninh vào ngày 11/11/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc. Khoảng đầu năm 2017, chị L đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan còn anh T ở nhà chăm sóc con. Do cuộc sống vợ chồng xa cách, cả hai thiếu quan tâm nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng dần lạnh nhạt và kể thời điểm đó anh chị sống ly thân và không liên lạc thường xuyên. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, nên chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh Bùi Văn Tính để anh chị sớm ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Bùi Bảo L, sinh ngày 06/11/2015. Hiện nay, cháu L đang ở với anh Bùi Văn Tính và bố mẹ anh T. Khi ly hôn chị đề nghị giao cháu Bùi Bảo L cho anh Bùi Văn Tính là người trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, vay nợ: Chị xác định vợ chồng không có tài sản gì chung, không nợ ai và không cho ai vay nợ nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị L xin chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Hiện nay, do chị L đang sống tại Đài Loan nên không thể về Việt Nam được. Vì vậy, chị L đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn anh Bùi Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án trình bày quan điểm.

Tòa án đã tiến hành làm việc với bà Trần Thị Duyên là mẹ đẻ anh T, bà Duyên trình bày: Bà là mẹ đẻ anh Bùi Văn T, sinh năm 1989; địa chỉ: Khu 6, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Chị Trần Thị L, sinh năm 1995, hiện nay đang làm việc tại Đài Loan là con dâu của bà. Anh T sau khi nhận được thông báo thụ lý của vụ án ly hôn do chị L yêu cầu có nói cho bà biết chị L đang xin ly hôn với anh. Anh T và chị L có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND phường Đại Phúc vào ngày 11/11/2014. Sau đó chị L về chung sống với bà và anh T tại nhà riêng khu 6, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Vợ chồng anh T chị L sống hạnh phúc đã có 01 con chung là cháu Bùi Bảo L, sinh ngày 06/11/2015. Khoảng tháng 6/2017, gia đình bà có lo liệu cho chị L đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan để phát triển kinh tế. Từ khi đi chị L không về Việt Nam thăm gia đình lần nào. Anh T đã nhận được giấy báo của Tòa án mời đến làm việc nhưng do công việc bận, anh T phải đi làm từ 7 giờ sáng đến 22 giờ đêm hàng ngày, mỗi ngày có thời điểm anh T phải di chuyển liên tục, lúc ở tỉnh thành này, lúc ở tỉnh thành khác, địa điểm không cố định do anh là lái xe chở hàng cho công

ty. Vì vậy, anh không thể lên Tòa án làm việc được. Anh T có truyền đạt quan điểm với bà như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T đồng ý ly hôn với Chị Trần Thị L vì chị L đã đi xuất khẩu lao động từ lâu. Hiện nay anh cũng không còn tình cảm, anh đồng ý ly hôn để hai bên ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Anh chỉ có 01 con chung là cháu Bùi Bảo L sinh ngày 06/11/2015, hiện nay cháu đang ở với bà và anh T nên khi ly hôn anh T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Bảo L.

Về công nợ và tài sản: Không yêu cầu Tòa án xem xét.

Anh T đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt và nhờ bà Duyên lên Tòa án làm việc, nhận văn bản giấy tờ thay. Bà đồng ý nhận thay các văn bản, giấy tờ thay anh T từ Tòa án và cam kết sẽ thông báo lại cho anh T được biết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do chính đáng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án là đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, 35, 37, 38, 146, 147, 227, 228, 271, 273, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, xử cho chị Trần Thị L được ly hôn anh Bùi Văn T. Về con chung: Giao con chung là cháu Bùi Bảo L, sinh ngày 06/11/2015 cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng không đặt ra giải quyết. Về công nợ: Không có, không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn xin ly hôn đề ngày 22/11/2023, chị Trần Thị L đề nghị Tòa án xem xét cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn T. Căn cứ vào

khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Về thẩm quyền giải quyết: Theo đơn xin ly hôn của chị Trần Thị L, anh Bùi Văn T là bị đơn trong vụ án có hộ khẩu thường trú tại phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh; Chị Trần Thị L hiện sinh sống tại lãnh thổ Đài Loan có yêu cầu ly hôn với Anh Bùi Văn T. Căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Về việc tham gia tố tụng của các đương sự: Bị đơn anh Bùi Văn T trong suốt quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T thông qua bà Duyên là mẹ đẻ của anh T và bà Duyên cam kết thông báo lại cho anh T về nội dung các văn bản tố tụng. Anh T biết việc chị L khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án và có ý kiến đồng ý ly hôn nhưng vẫn không trực tiếp tham gia tố tụng tại Tòa án. Anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do chính đáng. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Bùi Văn T kết hôn ngày 11/11/2014, tại thời điểm kết hôn chị L và anh T đều đủ tuổi, đủ năng lực, đủ điều kiện kết hôn theo luật định và đã đăng ký kết hôn tại UBND phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Do đó, mối quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc và có 01 con chung là cháu Bùi Bảo L. Sau đó, chị L đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan từ tháng 6/2017 và chưa về Việt Nam thăm gia đình lần nào. Cuộc sống vợ chồng xa cách nên cả hai thiếu quan tâm đến nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt.

Do không lấy được lời khai của anh T, nhưng căn cứ vào lời trình bày của bà Trần Thị Duyên là mẹ đẻ của anh T thì biết anh T đã biết về việc chị L làm thủ tục xin ly hôn tại Tòa án và anh T cũng nhất trí việc ly hôn với chị L vì chị L đi xuất khẩu lao động đã lâu và hiện nay anh cũng không còn tình cảm. Anh T đồng ý ly hôn để hai bên ổn định cuộc sống riêng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng chị L, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của chị L là có căn cứ, đủ điều kiện ly hôn theo quy định của

Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L, xử cho chị Trần Thị L được ly hôn anh Bùi Văn T.

[2.2]. Về con chung: Chị L trình bày, vợ chồng chị có một con chung là cháu Bùi Bảo L, sinh ngày 06/11/2015. Hiện nay cháu đang ở với anh T và bố mẹ chồng nên khi ly hôn chị đề nghị giao con chung là cháu Bùi Bảo L cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Cấp dưỡng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua làm việc với bà Duyên là mẹ đẻ của anh T thì bà xác nhận vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Bùi Bảo L, hiện nay cháu đang do anh T và bà chăm sóc nên khi ly hôn anh T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu. Cháu L cũng có nguyện vọng được ở cùng bố nên cần giao cháu L cho anh T nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng cho cháu L, do các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng chị L và anh T không có sản chung, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 37, 38, 146, 147, 227, 228, 271, 273, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị L: Chị Trần Thị L được ly hôn anh Bùi Văn T.

2. Giao cháu Bùi Bảo L, sinh ngày 06/11/2015 cho anh Bùi Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Trần Thị L được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vấn đề cấp dưỡng: Không đặt ra giải quyết.

3. Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị L đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng số 0000049 ngày 13/12/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đặt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp

lệ theo quy định pháp luật. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Tính